

Số: 179/KH - CĐTKV

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ ngày 06/01/2011 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Khóa X về “tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của CĐCS”

Thực hiện kế hoạch số 46/KH-TLĐ ngày 26/5/2020 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn và chỉ đạo của Thường trực Công đoàn TKV về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ ngày 06/01/2011 về “tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở” (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết 6a, Khóa X). Công đoàn TKV xây dựng kế hoạch tổng kết thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 6a, Khóa X ở các cấp công đoàn trong 10 năm qua, về những kết quả đạt được, khó khăn, yếu kém, vướng mắc, nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất kiến nghị tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết 6a, Khóa X. Thông qua việc tổng kết, nhằm nâng cao nhận thức đối với cán bộ công đoàn và trách nhiệm của các cấp công đoàn trong việc đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở (CĐCS).

2. Việc tổng kết là trách nhiệm của mỗi cấp công đoàn, được thực hiện từ cấp cơ sở trở lên, cần được thực hiện nghiêm túc, thiết thực, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 6a, Khóa X. Cần nêu rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những thành tựu, những tồn tại, hạn chế và các giải pháp khắc phục.

II. NỘI DUNG

1. Căn cứ vào quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 6a, Khóa X của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn để tập trung đánh giá kết quả thực hiện, trong đó cần làm rõ một số nội dung như sau:

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết 6a, Khóa X.

- Đánh giá thực trạng về công tác tổ chức, cán bộ, về nội dung, phương thức hoạt động và đổi mới nội dung phương thức hoạt động của công đoàn cơ sở (CĐCS), công tác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với CĐCS, công tác chỉ đạo hoạt động của Công đoàn cấp trên đối với CĐCS.

- Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế khuyết điểm, yếu kém, rút ra bài học kinh nghiệm sau 10 năm thực hiện Nghị quyết.

2. Đề xuất, kiến nghị đối với Đảng, Nhà nước, Công đoàn cấp trên (nếu có) về các điều kiện đảm bảo để tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của CĐCS.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở trong những năm tiếp theo.

(có gợi ý đề cương báo cáo kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Công đoàn TKV.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo Công đoàn cấp trên cơ sở/Công đoàn cơ sở trực thuộc triển khai tổng kết Nghị quyết 6a, Khóa X theo đúng kế hoạch. Tổ chức chương trình khảo sát tại một số đơn vị trực thuộc *(sẽ gửi lịch và nội dung khảo sát đến các đơn vị được khảo sát sau)*.

- Tổ chức tổng kết Nghị quyết 6a, Khóa X và báo cáo về Tổng Liên đoàn *trước ngày 15/8/2020*.

2. Công đoàn cấp trên cơ sở/Công đoàn cơ sở.

- Các cấp công đoàn trực thuộc Công đoàn TKV không tổ chức riêng hội nghị tổng kết thực hiện Nghị quyết 6a, Khóa X, tùy theo điều kiện cụ thể có thể kết hợp nội dung tổng kết tại hội nghị ban chấp hành cùng cấp hoặc bằng văn bản báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp.

- Triển khai thực hiện kế hoạch này và gửi báo cáo về Công đoàn TKV (qua Ban Tổ chức) *trước ngày 25/7/2020*./.

Nơi nhận:

- Tổng Liên đoàn (B/cáo);
- Thường trực CĐTKV (ecopy);
- Các Ban CĐTKV (T/hiện);
- Các đơn vị trực thuộc (T/hiện);
- Lưu VP, ToC.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Lê Thanh Xuân



GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ, Khóa X
(*Kèm theo Kế hoạch số: 179/KH-CĐTKV ngày 22 tháng 6 năm 2020*)

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ 10 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 6a/NQ-TLĐ CỦA BAN CHẤP HÀNH TLĐ, KHÓA X

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình công nhân lao động, đoàn viên công đoàn.

- Khái quát kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD của đơn vị, tình hình công nhân lao động (CNLD) và đoàn viên công đoàn.
- Khái quát tình hình đời sống, việc làm, thu nhập bình quân của CNLD.

2. Thuận lợi, khó khăn.

Những vấn đề liên quan tới việc triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 6a/NQ-TLĐ

Căn cứ quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết để tiến hành tổng kết. Trong đó tập trung những nội dung cơ bản sau:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn và cấp ủy Đảng đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.
- Vai trò, trách nhiệm của công đoàn cấp trên, cấp ủy Đảng đối với CĐCS trong quá trình triển khai thực hiện.
- Sự phối hợp của cơ quan chuyên môn trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

2. Về tổ chức và cán bộ:

2.1. Về đội ngũ cán bộ CĐCS:

- Đánh giá được số lượng, chất lượng cán bộ CĐCS theo vị trí, chức danh, chức vụ công tác; việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của cán bộ CĐCS; trình độ, năng lực và uy tín công tác.
- Kết quả bố trí và sử dụng cán bộ công đoàn chuyên trách CĐCS (*theo Quyết định số 395/QĐ-TLĐ ngày 6/3/2002 và theo mô hình mẫu của Tập đoàn*). Đối với các đơn vị là công ty liên kết, công ty cổ phần TKV nắm giữ dưới 50% (*theo Quyết định số 525/QĐ-TLĐ ngày 25/4/2011 và Quyết định số 1617/QĐ-TLĐ ngày 31/12/2014 của Đoàn Chủ tịch TLĐ*).
- Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ CĐCS, trong đó làm rõ việc thực hiện HĐLĐ, chế độ chi trả tiền lương, phụ cấp theo lương, BHXH, BHYT, BHTN, giải quyết chế độ thôi việc đối với cán bộ chuyên trách CĐCS...

2.2. Về cơ cấu tổ chức của CĐCS:

- Đánh giá được kết quả về số lượng, chất lượng hoạt động của các loại hình CĐCS, CĐCS thành viên, CĐ bộ phận, tổ công đoàn (số đơn vị ghép), hoạt động của các ban chấp hành, ban thường vụ (nếu có).

- Kết quả việc củng cố, sắp xếp, kiện toàn về cơ cấu tổ chức, lựa chọn cán bộ công đoàn của CĐCS: Đánh giá về số lượng, chất lượng, những thuận lợi, khó khăn, hạn chế trong việc sắp xếp, kiện toàn mô hình hoạt động của CĐCS, CĐCS thành viên, CĐ bộ phận, tổ CĐ, hoạt động BCH, BTV của CĐCS (đánh giá hiệu quả sau khi sắp xếp, kiện toàn).

- Việc xây dựng các quy chế phối hợp hoạt động, quy chế nội bộ của tổ chức công đoàn; chất lượng và hiệu quả việc thực hiện các quy chế.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS:

3.1. Kết quả đổi mới nội dung hoạt động của CĐCS, thể hiện như sau:

- Kết quả việc đổi mới cách thức, quy trình xây dựng, thương lượng, hướng dẫn NLD ký kết và giám sát thực hiện TULĐTT (theo hướng tăng cường sự tham gia trực tiếp của đoàn viên, người lao động và vai trò hỗ trợ của CĐCS trong quá trình xây dựng, thương lượng ký kết và giám sát thực hiện TULĐTT tại các DN; phản ánh số lượng và kết quả phân loại chất lượng TULĐTT (theo hướng dẫn số 1580/HD-TLĐ ngày 21/10/2014 của Tổng Liên đoàn).

- Công tác phối hợp với chuyên môn đồng cấp trong việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện pháp luật lao động, công đoàn trong đơn vị.

- Công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. Trong đó, đánh giá kết quả thành lập CĐCS theo Điều 14 Điều lệ CĐVN khóa XII; chất lượng đoàn viên, công tác quản lý đoàn viên, cấp phát thẻ, cập nhật phần mềm quản lý đoàn viên.

- Kết quả xây dựng tổ chức CĐCS: Tập trung đánh giá về chất lượng, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, đánh giá, xếp loại CĐCS vững mạnh hằng năm, xác định được số lượng và tỷ lệ CĐCS vững mạnh theo Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

- Kết quả đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn: Nội dung, chương trình; cách thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3.2. Kết quả đổi mới phương thức hoạt động của CĐCS:

- Tổng hợp những nội dung trọng tâm cơ bản mà CĐCS lựa chọn tập trung tổ chức thực hiện.

- Tổng kết, đánh giá những nội dung, cách làm mới, sáng tạo, các CĐCS điển hình thu hút, hấp dẫn được đông đảo CNVCLĐ, đoàn viên tham gia, thu hút được sự quan tâm, tạo điều kiện của các cấp ủy Đảng, cơ quan chuyên môn ... Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở cần nêu bật nội dung và cách thức chỉ đạo CĐCS theo cách mới.

4. Về kinh phí hoạt động

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác thu, chi, quản lý tài chính, tài sản của CĐCS.

- Việc phân cấp tài chính của Công đoàn cấp trên cơ sở.

- Quy định tỷ lệ thu, chi, phân phối, phân cấp thu, chi kinh phí công đoàn hiện nay có những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc gì đối với CĐCS.

- CĐCS đã triển khai các sáng kiến, giải pháp gì nhằm tăng nguồn thu tài chính công đoàn, thu hút đông đảo đoàn viên, CNVCLĐ tham gia.

- Những kết quả cụ thể về sự quan tâm tạo điều kiện đối với CĐCS của người sử dụng lao động (quan tâm hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của CĐCS, bố trí văn phòng công đoàn, chế độ khuyến khích động viên bằng vật chất, tinh thần đối với NLĐ, cán bộ công đoàn...)

5. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở: (không áp dụng đối với công đoàn cơ sở)

Ngoài đánh giá theo mục 1,2,3,4 phần I nêu trên, cần làm rõ các nội dung sau:

- Số lượng, chất lượng về tổ chức và cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, trong đó xác định số lượng cán bộ, đoàn viên của các CĐCS trực thuộc.

- Kết quả sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Kết quả chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo CĐCS với công đoàn cấp huyện, công đoàn tại địa phương.

- Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Những kết quả phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. Trong đó, phân tích cụ thể nội dung phát triển đoàn viên theo Điều 14 Điều lệ CĐVN Khóa XII.

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn các CĐCS trong việc thương lượng, ký kết TULĐTT.

- Kết quả hỗ trợ các CĐCS thực hiện các chức năng, nhiệm vụ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm; hạn chế vướng mắc:

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS.

4. Về công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của CĐCS.

5. Đối với Điều lệ, Hướng dẫn thi hành Điều lệ: Khó khăn, vướng mắc gì?

Lưu ý: Việc đánh giá cần làm rõ từ khi có nghị quyết thì những ưu điểm đạt được là gì so với trước khi chưa ban hành nghị quyết?

2. Nguyên nhân hạn chế, vướng mắc:

VI. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS.

4. Về công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của CĐCS.

5. Bài học chính rút ra từ thực tiễn của đơn vị.

V. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Quá trình quản lý chỉ đạo giữa Công đoàn cấp trên trực tiếp với CĐCS theo quy định hiện hành: Có cần thiết phải thay đổi như thế nào cho phù hợp, tránh chồng chéo, không hiệu quả? Nhất là quản lý phối hợp, quản lý chỉ đạo giữa Công đoàn cấp trên cơ sở với các địa phương, địa bàn, khu vực mà CĐCS đang hoạt động.

2. Về cơ cấu tổ chức CĐCS: Nội dung đề xuất, lý do đề xuất?

3. Về nội dung hoạt động của CĐCS, CĐCS thành viên, CĐ bộ phận, tổ công đoàn. Nêu rõ những vấn đề đang vướng mắc, đề xuất hướng giải quyết.

4. Các vấn đề liên quan đến công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, quản lý đoàn viên; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; công tác xây dựng CĐCS vững mạnh; công tác tài chính công đoàn và các hoạt động khác của CĐCS.

(kèm theo các phụ lục)

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Cần nghiên cứu đưa ra những sáng kiến, sáng tạo, nhằm tiếp tục thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ như sau:

1. Về công tác lãnh đạo chỉ đạo.
2. Về công tác tổ chức và cán bộ.
3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS.
4. Về công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công đoàn.
5. Về các vấn đề khác liên quan đến hoạt động công đoàn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.
2. Đối với công đoàn cơ sở.

PHỤ LỤC SỐ 1
THỐNG KÊ CÁN BỘ VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
(Kèm theo báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 6a/TLĐ)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số tính đến 31/5/2020
I	CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ		
1	Tổng số cán bộ CĐCS	<i>người</i>	
2	Phân tích tính chất của cán bộ CĐCS		
2.1	Nữ	<i>người</i>	
2.2	Đảng viên	<i>người</i>	
2.3	Dân tộc thiểu số	<i>người</i>	
2.4	Chủ tịch, P.chủ tịch CĐCS	<i>người</i>	
2.5	Ủy viên ban chấp hành CĐCS	<i>người</i>	
2.6	Ủy viên ban thường vụ CĐCS	<i>người</i>	
2.7	Chủ tịch, phó chủ tịch CĐCS thành viên	<i>người</i>	
2.8	Chủ tịch, P.chủ tịch Công đoàn bộ phận	<i>người</i>	
2.9	Tổ trưởng, tổ phó công đoàn	<i>người</i>	
2.10	Trưởng các ban quần chúng	<i>người</i>	
2.11	Ủy viên Ủy ban kiểm tra	<i>người</i>	
2.12	Cán bộ chuyên trách CĐCS	<i>người</i>	
3	Phân tích trình độ của cán bộ CĐCS		
3.1	Tiến sỹ		
3.2	Thạc sỹ	<i>người</i>	
3.3	Đại học	<i>người</i>	
3.4	Cao đẳng	<i>người</i>	
3.5	Trung cấp	<i>người</i>	
4	Lý luận chính trị (<i>Chỉ kê khai ở một dòng, lấy trình độ chính trị cao nhất của cán bộ</i>)		
4.1	Cử nhân, cao cấp		
4.2	Trung cấp	<i>người</i>	
4.3	Sơ cấp	<i>người</i>	
II	VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ		
1	Tổng số CĐCS		
2	Số CĐCS sinh hoạt ghép	<i>Cơ sở</i>	
3	Số CĐCS có cơ sở thành viên	<i>Cơ sở</i>	
4	Số CĐCS có công đoàn bộ phận	<i>Cơ sở</i>	
5	Số CĐCS có tổ công đoàn	<i>Cơ sở</i>	
6	Số Cơ sở thành viên	<i>Cơ sở</i>	
7	Số Công đoàn bộ phận	<i>Bộ phận</i>	
8	Số Tổ công đoàn	<i>Tổ CĐ</i>	

Người tổng hợp

....., ngày tháng năm 2020
TM. BAN THƯỜNG VỤ

PHỤ LỤC SỐ 2
KẾT QUẢ XÂY DỰNG CĐCS VỮNG MẠNH CỦA TÒ CHỨC CÔNG ĐOÀN
(Kèm theo báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 6a/TLP)

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả các năm										
			2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019		
1	Kết quả đánh giá CĐCS vững mạnh												
1	Tổng số CĐCS, trong đó:	<i>Cơ sở</i>											
<i>1.1</i>	Số CĐCS đủ điều kiện xếp loại	<i>Cơ sở</i>											
<i>1.2</i>	Số CĐCS chưa đủ điều kiện xếp loại	<i>Cơ sở</i>											
2	Kết quả xây dựng CĐCS vững mạnh												
<i>2.1.1</i>	Vững mạnh xuất sắc và vững mạnh (HT XS NV, riêng với năm 2019)	%											
<i>2.1.2</i>	Khá (HT Tốt NV, riêng với năm 2019)	%											
<i>2.1.3</i>	Trung bình (HT NV, riêng với năm 2019)	%											
<i>2.1.4</i>	Yếu (Không HT NV, riêng với năm 2019)	%											
3	Tổng số CĐBP, trong đó:												
<i>3.1</i>	CĐBP đủ điều kiện xếp loại	Bộ phận											
<i>3.2</i>	CĐBP chưa đủ điều kiện xếp loại	Bộ phận											
4	Kết quả xếp loại CĐBP vững mạnh												
<i>2.1.1</i>	Vững mạnh xuất sắc và vững mạnh (HT XS NV, riêng với năm 2019)	%											
<i>2.1.2</i>	Khá (HT Tốt NV, riêng với năm 2019)	%											
<i>2.1.3</i>	Trung bình (HT NV, riêng với năm 2019)	%											
<i>2.1.4</i>	Yếu (Không HT NV, riêng với năm 2019)	%											

Người tổng hợp

